

Bản án số: 06/2023/DS-ST
Ngày: 27/ 6 /2023
V/v: Tranh chấp lỗi đi chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Nhường.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Hoàn
Bà Vũ Thị Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Tuyết Chinh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại hội trường Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 03/2023/TLST-DS, ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp lỗi đi chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-DS ngày 05/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1964.
2. Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1979.
3. Ông **Lý Ngọc T1**, sinh năm 1965.
4. Bà **Lý Thị M**, sinh năm 1968.
5. Ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1977.
6. Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1970.

Cùng nơi cư trú: Xóm T, xã Hòa B, huyện Đ-Thái Nguyên.

Người Đ diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn V:
Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1991/ có mặt.

Nơi cư trú: Xóm T, xã Hòa B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người Đ diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn C, Lý Ngọc T1, bà Lý Thị M:

Bà **Trần Lan A**, sinh năm 1990/ có mặt.

Nơi cư trú: Tổ 4, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn:

1. Bà **Đoàn Thị H**, sinh năm 1959/ có mặt.

2. Ông **Nịnh Văn Đ1**, sinh năm 1990/ có mặt.

Cùng nơi cư trú: Xóm Đ, xã Hòa B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nịnh Văn Q**, sinh năm 1987/ có mặt.

2. Bà **Nịnh Thị H**.

Cùng nơi cư trú: Xóm Đ, xã Hòa B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Bà **Nịnh Thị H1**.

Nơi cư trú: Xóm Đồng Cầu, xã Hòa B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

4. Bà **Nịnh Thị C1**.

Nơi cư trú: Xóm Ao Cống, xã Phú Đô, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

5. Bà **Nịnh Thị T2**.

Nơi cư trú: Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Bà Nịnh Thị H, Nịnh Thị H1, Nịnh Thị C1, Nịnh Thị T2 cử và ủy quyền cho anh Nịnh Văn Đ1 tham gia tố tụng tại Tòa án- Anh Đ1 có mặt tại phiên tòa).

Người làm chứng:

1. Ông **Lưu Văn K**, sinh năm 1977/ vắng mặt.

2. Ông **Lưu Thế K1**, sinh năm 1968/ đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Xóm Đ, xã Hòa B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đồng nguyên đơn và người Đ diện theo ủy quyền trình bày: Các đồng nguyên đơn đều là các hộ dân có quyền sử dụng đất trồng rừng sản xuất tại xóm Đ, xã Hòa B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Trong quá trình trồng rừng và khai thác rừng, từ hơn 20 năm qua các đồng nguyên đơn có sử dụng đoạn đường đi qua thửa đất số 201, tờ bản đồ số 1 xã Hòa B (thuộc xóm Đ) nhà ông Nịnh Văn G do ông G hiến đất để làm đường từ năm 2001 (nay ông G đã chết năm 2016). Tuy nhiên từ tháng 7 năm 2022 anh Nịnh Văn Đ1 là con ông Nịnh Văn G cho rằng đoạn đường đi qua thửa đất số 201 anh Đ1 đã được bố mẹ cho anh Đ1 sử dụng nên yêu cầu các đồng nguyên đơn mỗi lần cho xe chở gỗ đi qua đoạn đường thuộc thửa đất số 201 phải nộp số tiền 1.000.000 đồng/chuyến và giá trị gỗ từ 100.000.000 đồng thì phải nộp cho anh Đ1 20% giá trị gỗ. Ngoài ra bà Đoàn Thị H vợ ông G cùng với anh Đ1 không cho các nguyên đơn đi trên con đường này.

Nay các đồng nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đoàn Thị H và anh Nịnh Văn Đ1 trả lại lối đi chung, mở lối đi qua thửa đất số 201, tờ bản đồ số 1 xã Hòa B nêu trên theo kết quả đo đạc thuộc xóm Đ, xã Hòa B, huyện Đ, tỉnh Thái

Nguyên cho các đồng nguyên đơn sử dụng. Vì đoạn đường này đã được ông Ninh Văn G hiến đất làm đường tại đơn xin cho đất làm đường ghi ngày 11/10/2001 do ông G ký đơn hiến đất. Ngoài con đường này ra thì các đồng nguyên đơn không còn con đường nào khác để đi vào trồng rừng, khai thác gỗ trên các thửa đất của các đồng nguyên đơn.

Bị đơn bà Đoàn Thị H trình bày: Đoạn đường đang tranh chấp giữa hai bên đi qua thửa đất số 201, tờ bản đồ số 1 xã Hòa B là của vợ chồng bà khai phá. Năm 2001 chồng bà là ông Ninh Văn G viết đơn cho đất để làm đường qua thửa 201 là do ông Nguyễn Văn T xin đi nhờ qua đất nhà bà vì lo phải bồi thường cây ăn quả (Mơ và Chanh) nên đã bảo ông G viết đơn cho đất nhưng vợ con không biết, không được sự nhất trí đồng thuận của bà và các con. Nay các nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả lại lối đi chung đi qua thửa đất số 201, tờ bản đồ số 1 xã Hòa B nêu trên cho các đồng nguyên đơn sử dụng, bà H có ý kiến là thửa đất số 201, tờ bản đồ số 1 xã Hòa B có đoạn đường đang tranh chấp các nguyên đơn cho rằng chồng bà đã hiến đất nhưng đơn cho đất của chồng chồng bà không có giá trị pháp lý vì bà và các con không ký. Diện tích đoạn đường tranh chấp năm 1994 Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà, hiện nay con đường cũng chưa thể hiện trên bản đồ địa chính. Thửa đất số 201, tờ bản đồ số 1 xã Hòa B thuộc quyền sử dụng của vợ chồng bà, sau khi chồng bà là ông G chết thì bà và các con đã lập văn bản phân chia tài sản thừa kế của chồng bà, theo đó các con đã giao cho bà toàn quyền thừa kế và định đoạt tài sản của chồng bà. Nay bà đã cho con Ninh Văn Đ1 và Ninh Văn Q sử dụng thửa đất số 201 nên do Đ1 và Q toàn quyền quyết định, bà không có ý kiến yêu cầu gì cho bà.

Bị đơn anh Ninh Văn Đ1 trình bày: Đoạn đường đang tranh chấp giữa hai bên đi qua thửa đất số 201, tờ bản đồ số 1 xã Hòa B là của bố mẹ anh. Năm 2001 bố anh là ông Ninh Văn G viết đơn hiến đất để làm đường qua thửa 201 là do ông Nguyễn Văn T xin đi nhờ qua đất nhà tôi vì lo phải bồi thường cây ăn quả (Mơ và Chanh) nên đã bảo bố anh viết đơn hiến đất nhưng vợ con không biết. Thửa đất số 201, tờ bản đồ số 1 xã Hòa B anh đã được mẹ anh và các anh chị em cho anh sau khi bố anh chết nhưng chưa làm T tục sang tên. Tháng 7 năm 2022 anh yêu cầu các đồng nguyên đơn mỗi lần cho xe chở gỗ đi qua đoạn đường thuộc thửa đất số 201 phải nộp số tiền hỗ trợ 200.000 đồng/chuyến xe chở gỗ Keo và 500.000 đồng/chuyến xe chở gỗ Lát là tiền để mở rộng thêm đường và sửa đường.

Nay các nguyên đơn yêu cầu giải quyết buộc bị đơn là mẹ anh và anh phải trả lại lối đi chung đi qua thửa đất số 201, tờ bản đồ số 1 xã Hòa B của nhà anh cho các đồng nguyên đơn sử dụng. Anh có ý kiến là đoạn đường đi qua thửa đất số 201 phần diện tích bố mẹ đã cho anh nên anh có quyền yêu cầu các đồng nguyên đơn mỗi lần cho xe chở gỗ đi qua đoạn đường thuộc thửa đất số 201 phải nộp cho anh

số tiền 200.000 đồng/chuyến gỗ Keo và 500.000 đồng/chuyến gỗ Lát. Anh Đ1 không nhận hỗ trợ một lần.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Ninh Văn Q trình bày: Đoạn đường đi qua thửa đất số 201, tờ bản đồ số 1 xã Hòa B là của bố mẹ anh. Năm 2001 bố anh là ông Ninh Văn G viết đơn hiến đất để làm đường qua thửa 201 là do ông Nguyễn Văn T xin đi nhờ qua đất nhà anh vì lo phải bồi thường cây ăn quả (Mơ và Chanh) nên đã bảo bố anh viết đơn hiến đất nhưng vợ con không biết. Tháng 7 năm 2022 Ninh Văn Đ1 là em trai anh cho rằng đoạn đường đi qua thửa đất số 201 em Đ1 đã được bố mẹ cho em Đ1 sử dụng nên yêu cầu các đồng nguyên đơn mỗi lần cho xe chở gỗ đi qua đoạn đường thuộc thửa đất số 201 phải nộp số tiền hỗ trợ 200.000 đồng/chuyến để mở rộng thêm đường, sửa đường. Anh Q xác nhận thửa đất số 201, tờ bản đồ số 1 xã Hòa B có đoạn đường đang tranh chấp giữa hai bên đã được mẹ và các chị gái cho em Đ1 và anh Q sử dụng nhưng chưa kịp làm T tục sang tên.

Nay các đồng nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là bà Đoàn Thị H và anh Ninh Văn Đ1 trả lại lối đi chung đi qua thửa đất số 201, tờ bản đồ số 1 xã Hòa B của nhà anh cho các đồng nguyên đơn sử dụng anh Q có ý kiến là đoạn đường đi qua thửa đất số 201 phần diện tích bố mẹ đã cho anh, hiện nay và về sau anh cho các đồng nguyên đơn tự do cho xe chở gỗ đi qua đoạn đường thuộc thửa đất số 201 mà bố mẹ đã cho anh và anh không yêu cầu các nguyên đơn phải nộp bất cứ khoản tiền gì. Anh không có yêu cầu, đề nghị gì cho bản thân. Nếu các nguyên đơn phải nộp tiền hay trả khoản tiền gì để sử dụng đoạn đường đi qua thửa 201 phần của Đ1 được cho thì anh Q đề nghị giải quyết trả toàn bộ tiền cho em Ninh Văn Đ1.

Người làm chứng ông Lưu Thế K1 xác nhận năm 2001 ông là Trưởng xóm Đ có được biết và chứng kiến việc ông Ninh Văn G cho ông Nguyễn Văn T mở đường để xe Công nông chở gỗ đi qua thửa 201 tờ bản đồ số 1 xã Hòa B nhà ông G.

Người làm chứng ông Lưu Văn K trình bày: Năm 2013 ông có mua và vận chuyển gỗ Keo của gia đình bà Đoàn Thị H, do đoạn đường hẹp không thuận tiện cho việc vận chuyển gỗ bằng ô tô cỡ lớn nên nhà ông G bà H đã mở rộng thêm đường để cho xe ô tô cỡ lớn chở gỗ đi qua được thuận tiện, kinh phí mở rộng đường gia đình ông G tự trả.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án cùng cơ quan C môn đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc bằng máy và định giá tài sản đối với đoạn đường đang có tranh chấp theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hoà giải, xong các bên vẫn giữ nguyên quan điểm không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, do vậy Tòa án phải mở phiên tòa xét xử vụ án ngày hôm nay.

Kết thúc phần tranh luận vị Đ diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, 39, 143, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, 166, 171, 203 Luật đất đai; Điều 254 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn trong vụ án. Giữ nguyên hiện trạng lối đi chung (con đường) đi qua thửa đất số 201, tờ bản đồ số 1 xã Hòa B theo kết quả đo đạc thuộc xóm Đ, xã Hòa B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên cho các đồng nguyên đơn sử dụng.

Buộc các đồng nguyên đơn trong vụ án phải đền bù cho anh Ninh Văn Đ1 diện tích đất làm đường là 10.000.000 đồng theo kết quả định giá và tiền công mở rộng con đường.

2. Buộc đương sự phải chịu án phí DSST và chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật và tuyên các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua cuộc thẩm tra tại phiên Tòa, sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ nhận định:

[1]. Về T tục tố tụng: Đây là vụ án Tranh chấp lối đi chung, mở lối đi chung quy định tại khoản 9 Điều 26, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thửa đất có tranh chấp thuộc xã Hòa B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến Tòa án tham gia phiên họp và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định được nguồn gốc thửa đất số 201, tờ bản đồ số 1 xã Hòa B là của vợ chồng bà Đoàn Thị H khai phá và đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1994 cho gia đình bà H. Năm 2001 chồng bà H là ông Ninh Văn G viết đơn cho ông Nguyễn Văn T đất để làm đường qua thửa 201 dài 150m, ngoài ra không cho ai khác. Việc ông G cho ông T đất tại thửa 201 để làm đường là có thật, nhưng việc tặng cho đất không được thực hiện theo đúng trình tự, T tục pháp luật quy định, không được bà H và các con ký đơn cho đất, ông

T không làm T tục đăng ký quyền sử dụng diện tích con đường ông G cho tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Hiện nay trên bản đồ địa chính không thể hiện con đường đi qua thửa 201 tờ bản đồ số 1 xã Hòa B. Do đó việc cho đất giữa ông G và ông T tại đơn cho đất làm đường ngày 11/10/2001 là không H pháp.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ xác định được con đường đi qua thửa 201 tờ bản đồ số 1 xã Hòa B có độ dài 246m, độ rộng trung B 3,4m, diện tích con đường là 836,2m²; con đường hiện tại đi qua thửa 201 tờ bản đồ số 1 xã Hòa B là lối đi duy nhất của các nguyên đơn sử dụng để đi vào các thửa đất của các nguyên đơn. Tại bản trích đo hiện trạng đường thì con đường đang tranh chấp nằm ở thửa 299 nhà ông Nguyễn Văn C 76,9m² nhưng ông C khẳng định con đường đang tranh chấp không nằm trong thửa đất số 229 tờ bản đồ số 1 xã Hòa B của nhà ông, chỉ nằm trong thửa đất số 201 nhà bà H, nếu kết quả đo có chồng lấn sang thửa 229 nhà ông thì là do sai số đo đạc.

Những người làm chứng xác nhận năm 2001 có được biết và chứng kiến việc ông Ninh Văn G cho ông Nguyễn Văn T mở đường để xe Công nông chở gỗ đi qua thửa 201 tờ bản đồ số 1 xã Hòa B nhà ông G. Năm 2013 thì nhà ông G mở rộng thêm đường để cho xe ô tô cỡ lớn chở gỗ đi qua được thuận tiện, kinh phí mở rộng đường năm 2013 gia đình ông G chi phí.

Xét yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn trong vụ án thấy rằng con đường đi qua thửa 201 tờ bản đồ số 1 xã Hòa B có độ dài gần 246m, độ rộng trung B 3,4m, diện tích con đường là 836,2m² hiện nay là con đường đã có từ hơn 20 năm nay và là lối đi duy nhất của các nguyên đơn sử dụng để đi vào các thửa đất nhà mình canh tác, vận chuyển tư liệu sản xuất và khai thác thu hoạch sản phẩm nông lâm nghiệp. Mặt khác, theo quy định của pháp luật thì hộ gia đình nào cũng có quyền có lối đi từ ruộng đất nhà mình ra đường dân sinh. Do đó yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn trong vụ án là có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên con đường hiện nay theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ. Tuy nhiên các đồng nguyên đơn phải đền bù diện tích đất làm đường và tiền công mở rộng đường cho chủ sử dụng đất một khoản tiền theo quy định. Cụ thể phải đền bù diện tích đất làm đường là 10.000.000 đồng theo kết quả định giá, tiền công mở rộng con đường là 8.000.000 đồng, tổng cộng là 18.000.000 đồng, mỗi nguyên đơn phải chịu 3.000.000 đồng. Thửa đất số 201, tờ bản đồ số 1 xã Hòa B thuộc quyền sử dụng của vợ chồng bà H, sau khi ông G chết thì bà H và các con đã lập văn bản phân chia tài sản thừa kế của ông G, theo đó các con đã giao cho bà H toàn quyền thừa kế và định đoạt tài sản của ông G. Bà Đoàn Thị H xác nhận đã tặng cho anh Đ1 và anh Q thửa đất 201 và không có yêu cầu gì, còn anh Ninh Văn Q cũng không có yêu cầu gì. Vì vậy toàn bộ số tiền đền bù được trả cho anh Ninh Văn Đ1.

Xét quan điểm về hướng giải quyết vụ án của vị Đ diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận.

Về án phí, chi phí tố tụng khác: Các đồng nguyên đơn trong vụ án phải chịu án phí DSST nộp ngân sách Nhà nước và chịu chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 157, 165, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 164, 166, 254 Bộ luật dân sự 2015; Điều 12, 166, 171, 203 Luật đất đai sửa đổi năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn trong vụ án.

[1]. Giữ nguyên hiện trạng lối đi chung (con đường) đi qua thửa đất số 201, tờ bản đồ số 1 xã Hòa B, huyện Đ có chiều dài 246m, độ rộng trung B 3,4m thuộc xóm Đ, xã Hòa B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên cho các đồng nguyên đơn sử dụng. (Có bản trích đo hiện trạng đường kèm theo bản án).

- Các hộ ông Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Đ, Lý Ngọc T1, Lý Thị M, Nguyễn Văn V và Nguyễn Văn C được quyền sử dụng lối đi (con đường) đi qua thửa 201 tờ bản đồ số 1 xã Hòa B, huyện Đ có chiều dài 246m, độ rộng trung B 3,4m. (Có bản trích đo hiện trạng đường kèm theo bản án).

- Buộc các đồng nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Đ, Lý Ngọc T1, Lý Thị M, Nguyễn Văn V và Nguyễn Văn C mỗi người phải đền bù cho anh Ninh Văn Đ1 số tiền **3.000.000 đồng**.

[2]. Về chi phí tố tụng khác: Các đồng nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Đ, Lý Ngọc T1, Lý Thị M, Nguyễn Văn V và Nguyễn Văn C chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc bằng máy và định giá tài sản. Các đồng nguyên đơn đã chi phí xong.

[3]. Án phí: Các đồng nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Đ, Lý Ngọc T1, Lý Thị M, Nguyễn Văn V và Nguyễn Văn C mỗi người phải chịu **300.000 đồng** tiền án phí DSST nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền **300.000 đồng** tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu từ số 0003721 đến 0003726 ngày 17/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Các đồng nguyên đơn đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bên đương sự (nguyên đơn, bị đơn) biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên bản án đối với người có mặt và kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai đối với người vắng mặt. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án đối với người có mặt và kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai đối với người vắng mặt./.

Trường H bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Hữu Như

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đỗ Hữu Nường

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Hữu Nường